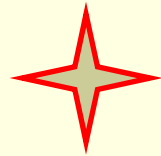


ĐẠI HỌC QUỐC GIA HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN



Bài giảng
VẬT LÝ HIỆN ĐẠI
(PHY00004)



cuu duong than cong. com

HUỲNH TRÚC PHƯƠNG

Email: hthphuong.oarai@gmail.com

cuu duong than cong. com

CHƯƠNG III

PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

III.1. Phương trình Schrodinger

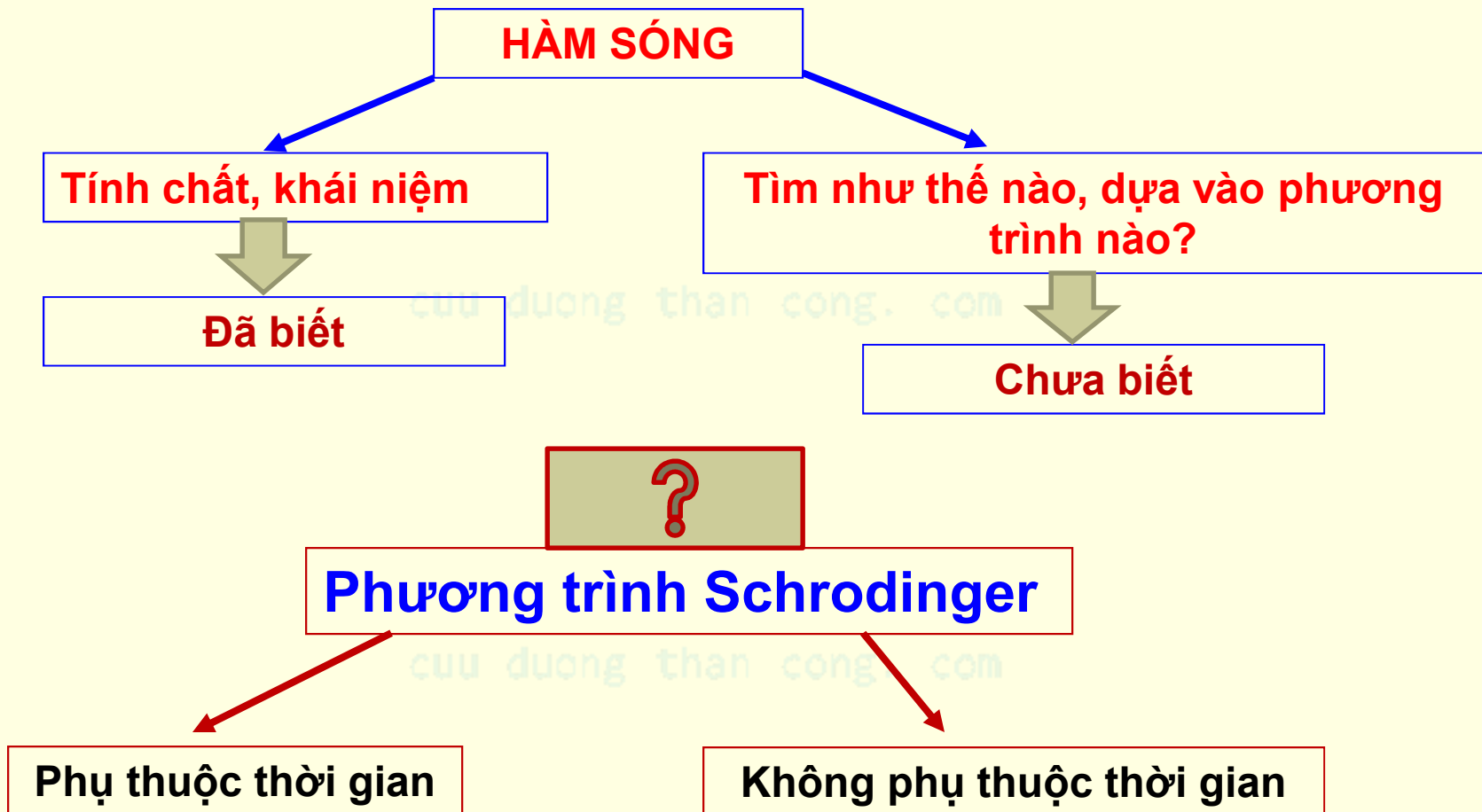
III.2. Hạt trong hố thế một chiều

III.3. Hiệu ứng đường ngầm



Erwin Schrödinger
(1887-1961)

III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER



III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

1. Phương trình Schrodinger phụ thuộc thời gian

Hàm sóng của một hạt có năng lượng E chuyển động trong một trường thế U :

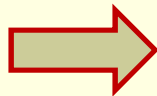
$$\Psi(x, t) = Ae^{i(kx - \omega t)} \quad (1)$$

Mô tả sóng truyền theo phương x và sóng truyền theo phương ngược lại

SÓNG DỪNG

Đối với hạt tự do ($U = 0$): $p = \hbar k$ và $E = \hbar \omega$

Từ (1)



$$\frac{\partial^2 \Psi}{\partial x^2} = -k^2 \Psi$$

Ta dùng: $E = p^2 / 2m = \hbar^2 k^2 / 2m$

III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

1. Phương trình Schrodinger phụ thuộc thời gian

Thu được:

$$-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{\partial^2 \Psi}{\partial x^2} = \frac{p^2}{2m} \Psi \quad (2)$$

Tương tự:

$$\frac{\partial \Psi}{\partial t} = -i\omega \Psi$$

Ta dùng:

$$E = \hbar\omega$$

Thu được:

$$i\hbar \frac{\partial \Psi}{\partial t} = \hbar\omega \Psi = E\Psi$$

Khi hạt chuyển động trong trường thế $U(x)$



$$E = p^2 / 2m + U(x)$$



28-Sep-17

$$E\Psi = \frac{p^2}{2m} \Psi + U(x)\Psi \quad (3)$$

III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

1. Phương trình Schrodinger phụ thuộc thời gian

Thay (3) vào (2):

$$-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{\partial^2 \Psi}{\partial x^2} + U(x)\Psi = i\hbar \frac{\partial \Psi}{\partial t} \quad (4)$$



Phương trình Schrodinger cho hạt chuyển động một chiều

Cơ học cổ điển



Phương trình Newton



$$F = ma$$



Giải phương trình cho ta biết vị trí của hạt theo thời gian

Cơ học lượng tử



Phương trình Schrodinger



(4)



Giải phương trình cho ta biết xác suất của hạt trong không gian theo thời gian

III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

2. Phương trình Schrodinger không phụ thuộc thời gian

$$\Psi(x, t) = Ae^{i(kx - \omega t)}$$

$$\Psi(x, t) = \psi(x)e^{-iEt/\hbar}$$

Phụ thuộc không gian

Phụ thuộc thời gian

$$-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{d^2\psi(x)}{dx^2} e^{-iEt/\hbar} + U(x)\psi(x)e^{-iEt/\hbar} = i\hbar(-iE/\hbar)e^{-iEt/\hbar}\psi(x) = E\psi(x)e^{-iEt/\hbar}$$

Rút gọn, ta thu được:

III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

2. Phương trình Schrodinger không phụ thuộc thời gian

$$-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{d^2\psi(x)}{dx^2} + U(x)\psi(x) = E\psi(x)$$

Sắp xếp lại:

$$\frac{d^2\psi(x)}{dx^2} + \frac{2m}{\hbar^2} [E - U(x)]\psi(x) = 0$$



Phương trình Schrodinger cho hạt chuyển động một chiều

CHÚNG TA SẼ LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TRÌNH NÀY

III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRÖDINGER

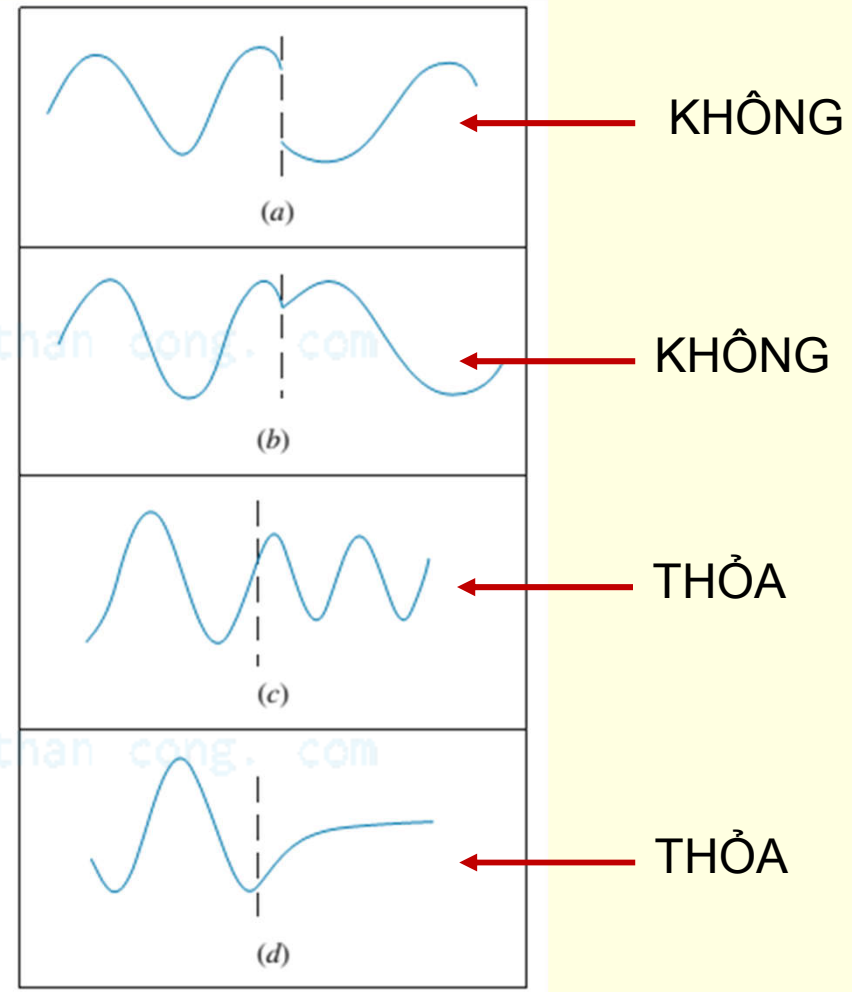
3. Điều kiện của hàm sóng

- Hữu hạn, nếu không thì điều kiện chuẩn hóa không được thỏa mãn,
- Đơn trị, vì ứng với mỗi trạng thái, tại một vị trí và tại một thời điểm chỉ có một xác suất tìm thấy hạt,
- Ψ và đạo hàm bậc nhất của nó theo các tọa độ không gian phải liên tục. Điều kiện này là do phương trình Schrödinger có chứa các đạo hàm bậc hai của Ψ theo các tọa độ không gian. Để phương trình có nghĩa, đạo hàm bậc hai của Ψ phải hữu hạn, muốn vậy thì Ψ và đạo hàm bậc nhất của nó theo tọa độ phải liên tục.

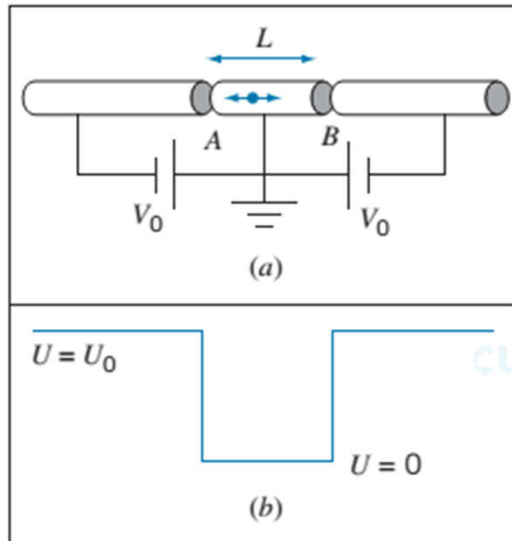
III.1. PHƯƠNG TRÌNH SCHRODINGER

3. Điều kiện của hàm sóng

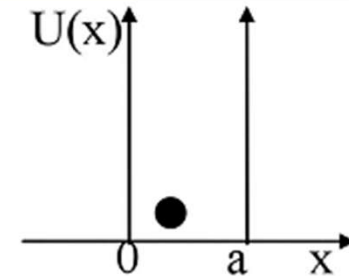
HÀM SÓNG NÀO THỎA
ĐIỀU KIỆN?



III.2. HẠT TRONG HỐ THỂ MỘT CHIỀU



$$U(x) = \begin{cases} \infty & \text{khi } x \leq 0 \\ 0 & \text{khi } 0 < x < a \\ \infty & \text{khi } x \geq a \end{cases}$$



Hình 3.1: Hình ảnh một hố thể một chiều

Xét hạt chuyển động tự do trong $0 < x < a$

Phương trình Schrodinger trong trường hợp này:

$$\frac{d^2\psi(x)}{dx^2} + \frac{2m}{\hbar^2} E\psi(x) = 0$$

hay

$$\frac{d^2\psi(x)}{dx^2} + k^2\psi(x) = 0$$

(1)

với

$$k^2 = \frac{2mE}{\hbar^2}$$

28-Sep-17

11

III.2. HẠT TRONG HỐ THỂ MỘT CHIỀU

Phương trình (1) có nghiệm:

$$\psi(x) = A \sin(kx) + B \cos(kx)$$

$$A = ?$$

$$B = ?$$

Dựa vào điều kiện biên

$$\psi(0) = \psi(a) = 0$$

$$\psi(0) = B = 0$$

$$\psi(a) = A \sin(ka) = 0$$

$$\sin(ka) = 0$$

$$\Rightarrow k = n\pi/a \quad (n = 1, 2, 3, \dots)$$

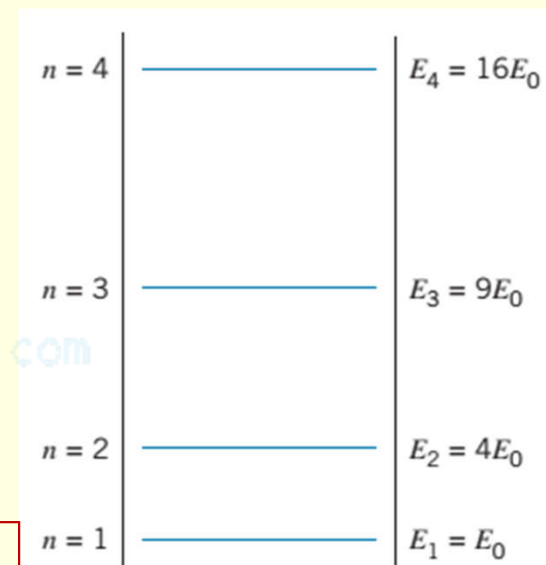
hay

$$E_n = \frac{\pi^2 \hbar^2}{2ma^2} n^2, \quad (n = 1, 2, 3, \dots)$$

Năng lượng bị lượng tử hóa

Ở trạng thái lượng tử, hạt luôn chuyển động!


28-Sep-17



III.2. HẠT TRONG HỐ THỂ MỘT CHIỀU

Bây giờ ta tìm hằng số A?

Dựa vào điều kiện chuẩn hóa của hàm sóng

$$\int_0^a |\psi(x)|^2 dx = 1$$
$$\int_0^a A^2 \sin^2(n\pi x/a) dx = 1$$

$$A = \sqrt{2/a}$$

Vậy hàm sóng của hạt trong hố thế thu được là:

$$\psi_n(x) = \sqrt{2/a} \sin(n\pi x/a)$$

Tuy nhiên, bản thân hàm sóng không có ý nghĩa vật lý, mà chỉ có mật độ xác suất mới có ý nghĩa vật lý.

III.2. HẠT TRONG HỒ THỂ MỘT CHIỀU

Mật độ xác suất phát hiện hạt:

$$|\psi_n(x)|^2 = \frac{2}{a} \sin^2\left(\frac{n\pi x}{a}\right)$$

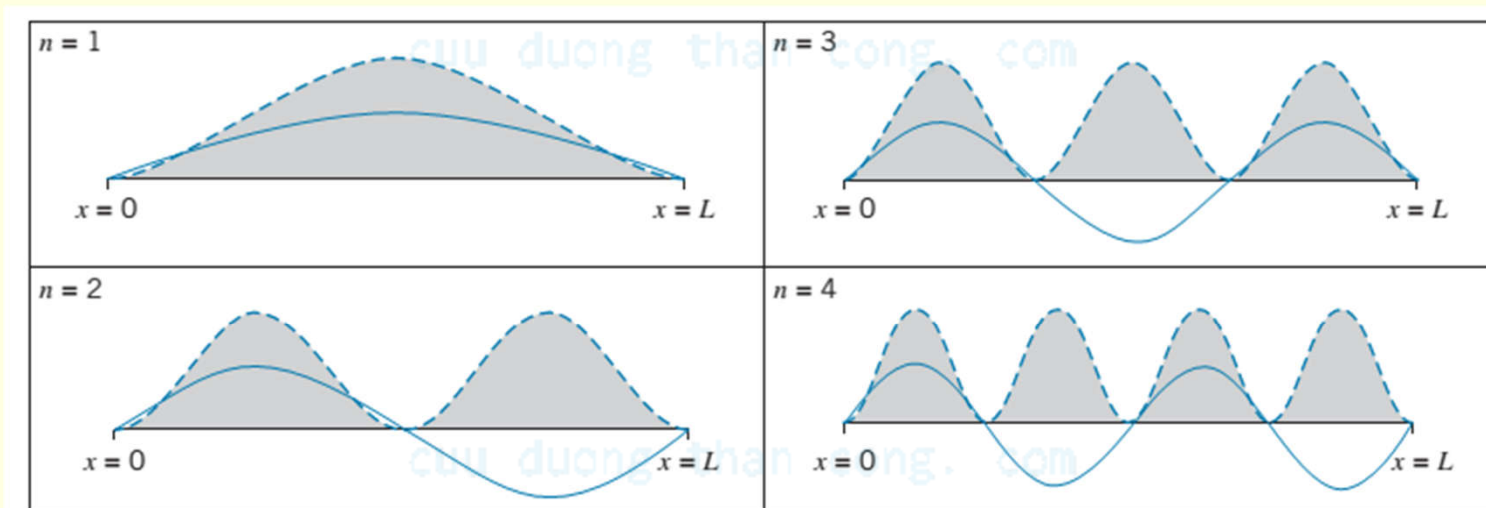


FIGURE 5.11 The wave functions (solid lines) and probability densities (shaded regions) of the first four states in the one-dimensional infinite potential energy well.

III.2. HẠT TRONG HỒ THỂ MỘT CHIỀU

7.1. Một hạt chuyển động tự do trong hố thế vuông góc sâu vô hạn, bề rộng a . Tính năng lượng của hạt ở trạng thái cơ bản trong các trường hợp sau:

- (a) Hạt là proton và $a = 0,1 \text{ nm}$.
- (b) Hạt là proton và $a = 1 \text{ fm}$.

7.3. Một hạt đang ở trạng thái kích thích thứ nhất của hố thế sâu vô hạn rộng a thỏa:

$$U(x) = \begin{cases} 0 & 0 \leq x \leq a \\ \infty & x < 0, x > a \end{cases}$$

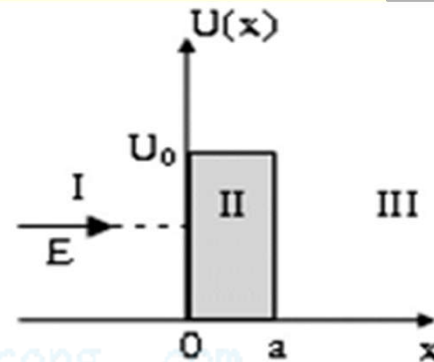
Tìm xác suất phát hiện hạt trong các khoảng sau:

- (a) Từ $x = 0$ đến $x = a/2$
- (b) Từ $x = 3a/4$ đến $x = a$.

7.4. Bước sóng của một photon phát ra từ laser ruby là $694,3 \text{ nm}$. Giả sử việc phát photon có bước sóng này là kết quả của quá trình dịch chuyển electron từ mức $n = 2$ về mức $n = 1$ trong hố thế vô hạn. Tính bề rộng hố thế.

III.3. RÀO THỂ - HIỆU ỨNG ĐƯỜNG NGÀM

$$U = \begin{cases} 0 & \text{khi } x \leq 0 \\ U_0 & \text{khi } 0 < x < a \\ 0 & \text{khi } x \geq a \end{cases}$$



Hình 3.4: Hàng rào thế hình chữ nhật.

○ Miền (I) và (III): $\frac{d^2\psi}{dx^2} + k_1^2\psi = 0, \quad k_1^2 = \frac{2m}{\hbar^2}E$

○ Miền (II): $\frac{d^2\psi}{dx^2} - k_2^2\psi = 0, \quad k_2^2 = \frac{2m}{\hbar^2}[U_0 - E]$

$$\psi_I = A_1 e^{ik_1 x} + B_1 e^{-ik_1 x}$$

$$\psi_{II} = A_2 e^{-k_2 x} + B_2 e^{k_2 x}$$

$$\psi_{III} = A_3 e^{ik_1(x-a)} + B_3 e^{-ik_1(x-a)}$$

Sóng tới trong miền I

Sóng p xạ trong miền I

Sóng PXẠ trong miền III

Sóng truyền qua trong miền III

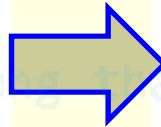
28-Sep-17

16

III.3. RÀO THẾ - HIỆU ỨNG ĐƯỜNG NGÀM

Để tìm A_i và B_i , ta cần các điều kiện:

$$\begin{aligned}\psi_I(0) &= \psi_{II}(0) \\ \left. \frac{d\psi_I}{dx} \right|_{x=0} &= \left. \frac{d\psi_{II}}{dx} \right|_{x=0} \\ \psi_{II}(a) &= \psi_{III}(a) \\ \left. \frac{d\psi_{II}}{dx} \right|_{x=a} &= \left. \frac{d\psi_{III}}{dx} \right|_{x=a}\end{aligned}$$



- $A_1 + B_1 = A_2 + B_2$
- $ik_1(A_1 - B_1) = -k_2(A_2 - B_2)$
- $A_2 e^{-k_2 a} + B_2 e^{k_2 a} = A_3$
- $-k_2(A_2 e^{-k_2 a} - B_2 e^{k_2 a}) = ik_1 A_3$

Hệ số truyền qua:

$$D = \frac{|A_3|^2}{|A_1|^2} = \left| \frac{A_3}{A_1} \right|^2$$



$$D = \left| \frac{A_3}{A_1} \right|^2 = \frac{16n^2}{(1+n^2)^2} e^{-2k_2 a}$$

$$n = \frac{k_1}{k_2} = \sqrt{\frac{E}{U_0 - E}}$$

28-Sep-17

Nếu $U_0 = 10E$ thì

$$D \approx \exp\left[-\frac{2a}{\hbar} \sqrt{2m(U_0 - E)}\right]$$

17

III.3. RÀO THỂ - HIỆU ỨNG ĐƯỜNG NGÀM

7.20. Đối với hạt có năng lượng $E < U_0$ tới rào thế có dạng:

$$U(x) = \begin{cases} 0 & x < 0 \\ U_0 & x \geq 0 \end{cases}$$

Với, $x < 0$ hàm sóng có dạng: $\psi_0(x) = A \sin k_0 x + B \cos k_0 x$, $k_0 = \sqrt{\frac{2mE}{\hbar^2}}$

Với, $x \geq 0$ hàm sóng có dạng: $\psi_1(x) = C e^{k_1 x} + D e^{-k_1 x}$, $k_1 = \sqrt{\frac{2m(U_0 - E)}{\hbar^2}}$

Hãy áp dụng điều kiện biên tại $x = 0$ để tính hàm số B và D theo A

7.29. Hai dây dẫn bằng Cu cách nhau bằng một lớp oxit CuO. Lớp oxit này được xem như là rào thế vuông góc cao 10 eV, hãy tính hệ số truyền qua đối với electron năng lượng 7 eV.

(a) Nếu bề dày của lớp là 5 nm.

(b) Nếu bề dày của lớp là 1 nm.

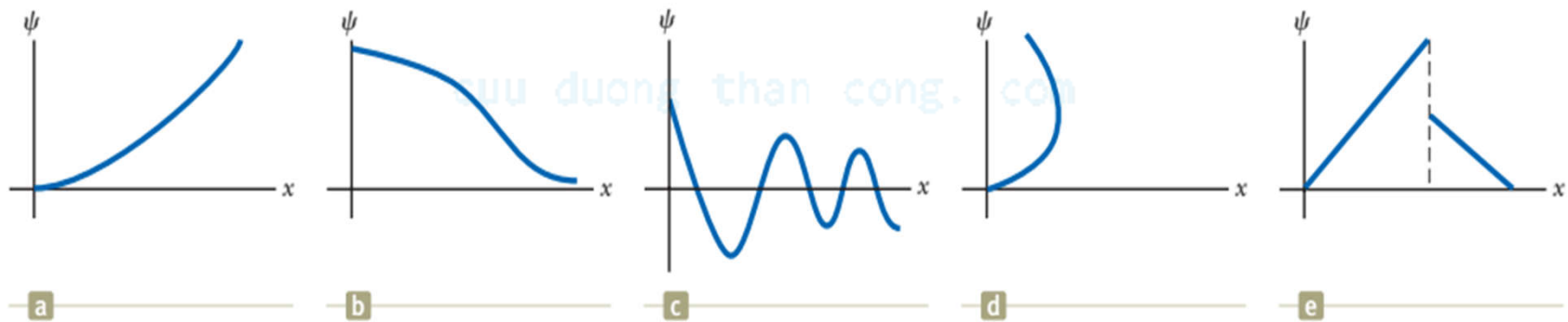
BÀI TẬP CHƯƠNG 3

Đọc các bài có lời giải chương 7 sách bài tập

Làm các bài không có lời giải chương 7 sách bài tập

THẢO LUẬN

4. Why are the following wave functions not physically possible for all values of x ? (a) $\psi(x) = Ae^x$ (b) $\psi(x) = A \tan x$
5. What is the significance of the wave function ψ ?
6. In quantum mechanics, it is possible for the energy E of a particle to be less than the potential energy, but classically this condition is not possible. Explain.
7. Consider the wave functions in Figure CQ41.7. Which of them are not physically significant in the interval shown? For those that are not, state why they fail to qualify.
8. How is the Schrödinger equation useful in describing quantum phenomena?



THẢO LUẬN

- CQ41.4** (a) $\psi(x)$ becomes infinite as $x \rightarrow \infty$.
(b) $\psi(x)$ is discontinuous and becomes infinite at $x = \pi/2, 3\pi/2, \dots$
- CQ41.5** A particle's wave function represents its state, containing all the information there is about its location and motion. The squared absolute value of its wave function tells where we would classically think of the particle as spending most its time. $|\Psi|^2$ is the probability distribution function for the position of the particle.
- CQ41.6** In quantum mechanics, particles are treated as wave functions, not classical particles. In classical mechanics, the kinetic energy is never negative. That implies that $E \geq U$. Treating the particle as a wave, the Schrödinger equation predicts that there is a nonzero probability that a particle can tunnel through a barrier—a region in which $E < U$.
- CQ41.7** Both (d) and (e) are not physically significant. Wave function (d) is not acceptable because ψ is not single-valued. Wave function (e) is not acceptable because ψ is discontinuous (as is its slope).
- CQ41.8** Newton's 1st and 2nd laws are used to determine the motion of a particle of large mass. The Schrödinger equation is not used to determine the motion of a particle of small mass; rather, it is used to determine the state of the wave function of a particle of small mass. In particular, the states of atomic electrons are confined-wave states whose wave functions are solutions to the Schrödinger equation. Anything that we can know about a particle comes from its wave function.